TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16 -01- 2019
Về việc Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông,

2. Ông Hoàng Đắc Hân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 206/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T; Nơi cư trú: Thôn G, xã L, huyện T, thành phố H; Vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T; Nơi cư trú: Thôn G, xã L, huyện T, thành phố H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Bà Vũ Thị T trình bày: Bà kết hôn với Ông Lê Văn T trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố H vào năm 1981. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống với nhau tại thôn G, xã L, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế, ông T thường hay chửi bới, xúc phạm bà, mặc dù đến nay các con đều đã trưởng thành nhưng vợ chồng

không hòa hợp được do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên bà đã ra ngoài sinh sống, từ nhiều năm nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm nhau. Nay Bà Vũ Thị T khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà và Ông Lê Văn T không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông Lê Văn T.

Về con chung: Bà và Ông Lê Văn T có 04 con chung tên Lê Quang C, sinh ngày 13/9/1982; Lê Thị Hồng C, sinh ngày 23/01/29187 và Lê Quang C, sinh ngày 26/3/1990, hiện nay các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Vũ Thị T trình bày vợ chồng có tài sản chung, nhưng để hai bên tự giải quyết, nếu sau này không được sẽ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Bị đơn là Ông Lê Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai Ông Lê Văn T vẫn không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Bà Vũ Thị T.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên việc chuyển hồ sơ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát còn chậm chưa đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn Bà Vũ Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là Ông Lê Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; khoản 2, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 3, Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Bà Vũ Thị T; tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự. Về con chung và tài sản chung đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp gồm: Bản sao Giấy khai sinh của các con; Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Thị Tuyến; Các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập là Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố H; Biên bản xác minh tại gia đình Ông Lê Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là Bà Vũ Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là Ông Lê Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ

nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa Bà Vũ Thị T và Ông Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 1981,tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện từ năm 1981 cho đến nay bà T và ông T không đăng ký kết hôn, nay Bà Vũ Thị T xin ly hôn. Căn cứ theo điểm a, khoản 3 Nghị quyết 35/QH10 ngày 09/6/2000 Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn nên vợ chồng bà T và ông T đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay Bà Vũ Thị T khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn, bà T đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn Ông Lê Văn T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng Ông Lê Văn T đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin ly hôn của Bà Vũ Thị T. Tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình Ông Lê Văn T thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T đã kéo dài, bà T đã bỏ ra ngoài sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân nhau. Điều đó thể hiện hôn nhân giữa bà T và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Vũ Thị T, cho Bà Vũ Thị T được ly hôn Ông Lê Văn T.

[3] Về con chung: Bà Vũ Thị T và Ông Lê Văn T có 04 con chung tên: Lê Quang C, sinh ngày 13/9/1982; Lê Thị Hồng C, sinh ngày 23/01/29187 và Lê Quang C, sinh ngày 26/3/1990, hiện nay các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, Ông Lê Văn T không có ý kiến trình bày về con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Vũ Thị T trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, Ông Lê Văn T chưa có ý kiến trình bày về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Bà Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 3 Nghị quyết 35/QH10 ngày 09/6/2000; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Bà Vũ Thị T được ly hôn Ông Lê Văn T.

3. Về án phí: Bà Vũ Thị T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008869, ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng. Bà Vũ Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên,thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sự